

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ HUYỀN TRANG

CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ
BIỂU THỊ NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM SỐ ĐỎ,
VÕ ĐÊ VÀ GIÔNG TÓ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐỖ HUYỀN TRANG

**CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ
BIỂU THỊ NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM SỐ ĐỎ,
VỖ ĐÊ VÀ GIÔNG TỐ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam
Mã số: 60.22.01.02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN TÚ QUYÊN

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Đỗ Huyền Trang

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, Phòng đào tạo Sau đại học Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, Ban giám hiệu và Khoa Ngữ Văn Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin đặc biệt bày tỏ lòng kính trọng và sâu sắc tới:

Tiến sĩ Nguyễn Tú Quyên - người cô giáo mẫu mực đã trực tiếp hướng dẫn tôi, đã tận tình chỉ bảo cho tôi những kiến thức quý báu không những trong chuyên môn mà cả những kiến thức trong cuộc sống trong suốt quá trình tôi thực hiện đề tài này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các Thầy, các Cô và các Bạn học viên trong lớp chuyên ngành Ngôn Ngữ Việt Nam K22 đã cho tôi những kiến thức và những góp ý chuyên môn quý báu trong suốt quá trình tôi học tập và làm đề tại tại bộ môn. Đồng thời trân quý cảm ơn sự nhiệt tình của các thầy, các cô, các bạn đồng nghiệp trong lớp, trong khoa đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình tôi thực hiện đề tài này.

Cuối cùng tôi xin được gửi lời cảm ơn tới những người thân trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn động viên, khích lệ và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Đỗ Huyền Trang

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
3. Mục đích nghiên cứu	3
4. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
6. Phương pháp nghiên cứu	4
7. Bố cục của luận văn.....	5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	6
1.1. Khái quát về sở chỉ và hiện tượng đồng sở chỉ.....	6
1.1.1. Khái quát về sở chỉ	6
1.1.2. Khái quát về hiện tượng đồng sở chỉ	16
1.2. Những vấn đề lý thuyết liên quan đến sở chỉ và hiện tượng đồng sở chỉ trong tiếng Việt	17
1.2.1. Hoạt động giao tiếp và các nhân tố giao tiếp.....	17
1.2.2. Khái quát về đoạn ngữ, danh ngữ trong tiếng Việt.....	20
1.3. Tiểu kết	23
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ BIỂU THỊ NHÂN VẬT TRONG SỐ ĐỎ, VỖ ĐÊ VÀ GIÔNG TÓ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG	25
2.1. Đặc điểm cấu trúc của các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Số đỏ, Vỗ đê và Giông tó của Vũ Trọng Phụng	25
2.1.1. Đặc điểm cấu trúc của các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật qua việc dùng tên riêng.....	28

2.1.2. Đặc điểm cấu trúc của các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật qua việc dùng biểu thức miêu tả.....	34
2.1.3. Đặc điểm cấu trúc của các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật qua việc dùng biểu thức chỉ xuất.....	40
2.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Số đỏ, Võ đê và Giông tố của Vũ Trọng Phụng.....	46
2.2.1. Các biểu thức đồng sở chỉ là tên riêng.....	46
2.2.2. Các biểu thức đồng sở chỉ có nghĩa phi miêu tả.....	46
2.2.3. Các biểu thức đồng sở chỉ có nghĩa miêu tả.....	47
2.3. Tiểu kết.....	51
Chương 3: VAI TRÒ CỦA CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ BIỂU THỊ NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM SỐ ĐỎ, VÕ ĐÊ VÀ GIÔNG TỐ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG.....	53
3.1. Bộc lộ đặc điểm giới tính và ngoại hình của nhân vật.....	53
3.1.1. Bộc lộ đặc điểm giới tính của nhân vật.....	53
3.1.2. Bộc lộ đặc điểm ngoại hình của nhân vật.....	56
3.2. Bộc lộ tính cách, thái độ của nhân vật.....	81
3.2.1. Bộc lộ tính cách của nhân vật:.....	81
3.2.2. Bộc lộ thái độ của nhân vật.....	89
3.3. Bộc lộ nghề nghiệp của nhân vật.....	102
3.3.1. Nghề dạy học.....	102
3.3.2. Học sinh, sinh viên.....	103
3.3.3. Nghề khám, chữa bệnh.....	103
3.3.4. Nghề buôn bán.....	105
3.3.5. Nghề đưa thư.....	106
3.3.6. Nghề nghiệp mang tính chất nghệ thuật.....	106
3.3.7. Nghề thợ may.....	107
3.3.8. Nghề bói toán.....	107
3.3.9. Nghề hoạt động trong lĩnh vực thể thao.....	108
3.3.10. Nghề đi tu theo đạo Phật ở chùa.....	109

3.3.11. Nghề nông.....	110
3.3.12. Nghề lái đò.....	111
3.3.13. Nghề làm thợ.....	111
3.4. Bộc lộ vị thế của nhân vật giao tiếp.....	112
3.4.1. Vị thế xã hội.....	112
3.4.2. Vị thế gia đình.....	122
3.5. Tiểu kết	127
KẾT LUẬN.....	129
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	129

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DN	Danh ngữ
ĐT	định tố
P	phụ
Phs	phụ sau
Pht	phụ trước
Trt	trung tâm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Tổng số các nhân vật, tổng số các biểu thức đồng sở chỉ và tần số xuất hiện của các biểu thức trong Số đỏ, Vỡ đê và Giông tố của Vũ Trọng Phụng.....	25
Bảng 2.2. Các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Số đỏ.....	26
Bảng 2.3: Các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Vỡ đê.....	27
Bảng 2.4: Các biểu thức đồng sở chỉ biểu thị nhân vật trong Giông tố.....	28
Bảng 2.5. Số lượng và tần số xuất hiện của biểu thức tên riêng trong Số đỏ, Vỡ đê và Giông tố.....	29
Bảng 2.6. Biểu thức tên riêng trong tác phẩm Số đỏ.....	29
Bảng 2.7. Biểu thức tên riêng trong tác phẩm Vỡ đê.....	30
Bảng 2.8. Biểu thức tên riêng trong tác phẩm Giông tố.....	30
Bảng 2.9. Đặc điểm cấu tạo của biểu thức tên riêng.....	34
Bảng 2.10. Số lượng và tần số xuất hiện của biểu thức miêu tả trong Số đỏ, Vỡ đê và Giông tố.....	34
Bảng 2.11. Biểu thức miêu tả trong tác phẩm Số đỏ.....	34
Bảng 2.12. Biểu thức miêu tả trong tác phẩm Vỡ đê.....	35
Bảng 2.13. Biểu thức miêu tả trong tác phẩm Giông tố.....	36
Bảng 2.14. Số lượng và tần số xuất hiện của biểu thức chỉ xuất trong Số đỏ, Vỡ đê và Giông tố.....	40
Bảng 2.15. Biểu thức chỉ xuất trong tác phẩm Số đỏ.....	40
Bảng 2.16: Biểu thức chỉ xuất trong tác phẩm Vỡ đê.....	41
Bảng 2.17: Biểu thức chỉ xuất trong tác phẩm Giông tố.....	42

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Lịch sử ngôn ngữ học trước những năm 70 của thế kỷ trước chủ yếu quan tâm đến cấu trúc nội tại của ngôn ngữ. Theo đó, những câu như *Tôi đói*, *Hôm nay trời lạnh nhỉ* sẽ được xem là những câu đúng bởi chúng chuẩn về mặt ngữ pháp và logic về mặt ngữ nghĩa. Tuy nhiên, khi ngôn ngữ phải thực hiện chức năng quan trọng nhất của nó - chức năng giao tiếp thì việc nghiên cứu câu dưới dạng “chất liệu cấu thành” đã bộc lộ những hạn chế rõ rệt. Tác giả Hoàng Cao Cương đã chỉ rõ: có ít nhất 7 lý do để tin rằng nếu dùng câu lại ở quan niệm cú pháp truyền thống thì sẽ không nhận được các giải thích đúng đắn ngay cả đối với cái định nghĩa về câu mà chúng ta đang sử dụng.

Sang nửa cuối thế kỷ 20, sau khi nhận rõ những sai lầm của việc nghiên cứu câu chỉ trong địa hạt riêng của nó, các nhà ngôn ngữ học bắt đầu chuyển dần sang hướng tiếp cận mới, đó là nghiên cứu câu gắn với ngữ cảnh. Hướng tiếp cận này đánh dấu sự ra đời của chuyên ngành Ngữ dụng học. Lúc này, ngôn ngữ bắt đầu “vận động theo quỹ đạo hồi quy đi từ mô tả triệt để các yếu tố trong khung lý thuyết hẹp sang mô tả các quá trình tương tác trong bối cảnh xã hội rộng lớn và toàn diện; từ thực thể ngôn ngữ sang biểu hiện của lời nói; từ các biểu diễn bề mặt hình thức sang biểu diễn ngữ nghĩa học; từ việc quên quyền lợi người dùng sang đề cao mặt dụng học của các biểu lộ ngôn từ”.

Như vậy, có thể nói, sự ra đời của Ngữ dụng học thực sự là bước đột phá mới, giải quyết được những bế tắc mà cú pháp truyền thống đang gặp phải.

1.2. Góp phần quan trọng vào việc giải quyết những bế tắc của cú pháp truyền thống có lý thuyết về sở chỉ.

Sở chỉ là vấn đề đầu tiên mà các nhà logic học quan tâm và cũng là vấn đề thứ nhất của ngữ dụng học. Trong hoạt động giao tiếp, hành vi sở chỉ giúp cho người nghe (người đọc) nhận diện được đối tượng được quy chiếu, nhờ đó mới giải thuyết nghĩa của phát ngôn.

Với vai trò quan trọng như vậy, vấn đề sở chỉ đã được tương đối nhiều các nhà Việt ngữ học quan tâm nghiên cứu với những tên gọi khác nhau như *chiếu vật*, *quy chiếu*, *tham chiếu*, *sở chỉ*. Nói điều này để thấy hiện tượng ngôn ngữ này không phải là vấn đề nghiên cứu mới mẻ.

1.3. Trong giao tiếp, để quy chiếu một đối tượng, người ta không dùng một biểu thức duy nhất mà sử dụng linh hoạt nhiều biểu thức. Các biểu thức khác nhau quy chiếu vào một đối tượng như vậy được gọi là các biểu thức đồng sở chỉ.